

Bản án số: 60/2019/DS-ST

Ngày: 01/8/2019.

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Thoa**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Tám**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Vân**

Thư ký phiên Tòa: Ông **Bùi Công Danh** – Thư ký tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu, kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-DS, ngày 17/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: ông Võ Huy T, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: 1/2C, khu phố 1, phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Lê Thị Hồng T, sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 244/2 tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai và lời trình bày tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Huy T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Bé S có mua bán rau củ quả với bà Nguyễn Thị T, bà T là người mua rau củ quả với bà Bé S theo hình thức gởi đầu, mua trả dần. Tính đến ngày 15/11/2018 thì bà T còn nợ bà Bé S tổng số tiền là 191.000.000đ, có viết biên nhận và bà T cam kết trả từ từ khoản nợ này. Kể từ khi bà T cam kết trả nợ đến nay thì bà T không chịu trả như đã cam kết mặc dù bà Bé S đã nhiều lần yêu cầu bà T trả.

Như vậy do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận trả số tiền 191.000.000đ nên bà Bé S có đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền này làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Võ Huy T trình bày: Sau khi bà T thừa nhận nợ và có viết giấy nợ số tiền 191.000.000đ cho bà Bé S thì bà T tiếp tục mua và nợ của bà Bé S, đồng thời bà T có trả và góp tiền cho bà Bé S, nên hai bên có thống nhất bà T nợ lại bà Bé S số tiền 183.275.000đ yêu cầu bà T trả số tiền này làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày ý kiến tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải ngày 07/6/2019 như sau:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, trước đây bà có mua bán rau củ quả với bà Bé S có thiếu số tiền như bà Bé S trình bày, bà cũng có trả góp 1 phần khoản nợ này. Đối với yêu cầu của bà Bé S bà đồng ý trả cho bà Bé S số tiền 183.275.000đ nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn bà xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đ hoặc trả định kỳ mỗi 06 tháng trả 60.000.000đ, tháng cuối cùng bà sẽ trả toàn bộ số tiền còn lại là 63.275.000đ.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Huy T: không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của bị đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà Bé S và bà T có mua bán rau củ quả với nhau trong 1 thời gian dài, bà T có nợ lại bà Bé S 183.275.000đ bà T có thừa nhận số nợ này và đồng ý trả, nhưng xin trả dần. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của bị đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 183.275.000đ, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S, xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S và bị đơn bà Nguyễn Thị T thực tế đã phát sinh. Bởi lẽ, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T cung cấp tờ giấy nợ (bản chính) với số tiền là 191.000.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu đồng), cụ thể nội dung tờ giấy nợ ghi như sau “Tôi là Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang có mua bán với bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1969 ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang có nợ của bà Bé 6 số tiền 191.000.000đ”. Xét thấy, tại phiên tòa ông T trình bày việc mua bán rau củ quả giữa bà Bé S và bà T phát sinh trong thời gian dài và theo hình thức gói đầu và trả dần, mặc dù việc mua bán đến nay đã lâu nhưng bà T không chịu trả tiền như đã hứa với bà Bé S làm ảnh hưởng quyền lợi của bà Bé S, quá trình sau khi viết giấy nợ bà T có nợ tiếp và có trả góp tiền cho bà Bé S, hai bên có thống nhất số tiền và Toàn nợ bà Bé S là 183.275.000đ và ông yêu cầu bà T trả số tiền này 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền cả bị đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày: số tiền này là tiền bà T mua rau củ quả nợ của bà Bé S nhiều lần trong 1 thời gian dài nên cộng dồn lại và bà Bé S có yêu cầu bà T viết giấy nợ số tiền 191.000.000đ, tuy nhiên sau đó thì bà T có trả góp dần cho bà Bé S còn nợ lại số tiền 183.275.000đ bà T cũng đồng ý trả, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn không có khả năng trả 1 lần nên bà T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ hoặc trả định kỳ 6 tháng trả 60.000.000đ, đến 6 tháng cuối thì trả 63.275.000đ.

Tuy nhiên đối với yêu cầu xin trả dần của bà T không được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý.

Về sự chênh lệch năm sinh bà Nguyễn Thị T sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1976 trong giấy tờ, tại phiên tòa bà Thu là đại diện ủy quyền của bị đơn khẳng định bà T trong giấy tờ sinh năm 1976, nhưng tuổi thực thì sinh năm 1975 nên quá trình giao dịch bà T có khai bà sinh năm 1975 và bà T có nợ bà Bé S có viết giấy nợ là sự thật, nên HĐXX xác định bị đơn bà Nguyễn Thị T sinh năm 1976.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé S là có cơ sở chấp nhận, bởi bị đơn bà Nguyễn Thị T cũng thống nhất nợ bà Bé S số tiền 183.275.000đ, nên cần

buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bé S số tiền nợ mua bán rau củ quả là 183.275.000đ , thực hiện việc trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, HĐXX có xem xét giảm 50% án phí có giá ngạch cho bà T.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé S có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Huy T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền mua bán hàng hóa là **183.275.000 đồng** (Một trăm tám mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bé S có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.581.800đ án phí dân sự sơ thẩm (đã giảm 50%).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền 4.775.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0002255 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa